

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày: 02-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH RÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Kim Diễm.
- Bà Nguyễn Thị Anh Đào

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Chế Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Cao Văn Nở - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/TLST-HS ngày 5 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại 02 điểm cầu:

Tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Trà Cú gồm có: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- **Bị hại:** Bà Tổng Thanh T, sinh ngày 04/11/1991. Địa chỉ: Khóm X, thị trấn Trc, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, có đơn đề nghị vắng mặt

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Ông Trầm Bá V, sinh ngày 01/5/1986. Địa chỉ: Khóm X, thị trấn Trc, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, có đơn đề nghị vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trầm Bá V là bà Tổng Thanh T, sinh ngày 04/11/1991. Địa chỉ: Khóm X, thị trấn Trc, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, có đơn đề nghị vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp XC, xã NX, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

Tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã Lưu Nghiệp Anh gồm có:

- Bị cáo Trần Thị D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1965 tại Trà Vinh. Nơi cư trú ấp C, xã LNA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn) 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Tr (đã chết) và bà Quang Thị N; chồng Trần Văn D, sinh năm 1963; con có 01 người sinh năm 1992; tiền án: không có, tiền sự: không có; nhân thân: tốt; bị khởi tố vào ngày 16/02/2023 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Trần Văn D, sinh ngày 01/01/1963. Địa chỉ: ấp C, xã LNA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thị D hàng ngày sống bằng nghề buôn bán. Nhưng do không đủ tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã nảy sinh ý định lấy sợi dây chuyền vàng của bị cáo loại vàng 18K, có khối lượng là 5,1 chỉ vàng (hay còn gọi là 05 chỉ 01 phân vàng) đang đeo trên cổ đến tiệm vàng “TC” để đổi lấy sợi dây chuyền vàng có khối lượng nhẹ hơn, nhằm mục đích lấy tiền thừa sau khi đổi dư lại để tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 12 giờ 20 phút ngày 15/12/2022, bị cáo điều khiển xe mô tô của bị cáo đứng tên chủ sở hữu, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE ALPHA, màu sơn xanh, đen, bạc, biển số: 84G1 - 73. 036, đến tiệm vàng “Tư Có”, địa chỉ tại Khóm X, thị trấn TrC, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh do vợ, chồng ông Trầm Bá V và bà Tống Thanh T làm chủ và quản lý. Khi đến tiệm vàng “TC”, bị cáo gặp bà Tống Thanh T đang trực tiếp bán vàng cho khách hàng. Bị cáo nói với bà T là muốn đổi một sợi dây chuyền đang đeo trên cổ lấy sợi dây chuyền khác có khối lượng nhẹ hơn để lấy tiền thừa lại tiêu xài. Nói xong bị cáo tháo sợi dây chuyền đang đeo trên cổ đưa cho bà T kiểm tra, bà T mang sợi dây chuyền của bị cáo đi cân và thông báo cho bị cáo biết là sợi dây chuyền của bị cáo muốn đổi là vàng 18K, có khối lượng là 5,1 chỉ vàng.

Sau khi cho bị cáo biết khối lượng vàng, bà T đã chọn các mẫu dây chuyền loại 18K đưa cho bị cáo xem và lựa chọn. Bị cáo xem nhưng không đồng ý, do sợi dây chuyền này ngắn nên bị cáo trả lại. Bà T tiếp tục lấy ra một sợi dây chuyền thứ hai cho bị cáo xem, bị cáo cũng không đồng ý và trả lại. Bà T tiếp tục đưa cho bị cáo xem sợi dây chuyền thứ ba. Trong lúc bị cáo đang xem để chọn thì bà T tiếp tục đưa cho bị cáo xem sợi dây chuyền thứ tư. Trong lúc bị cáo đang xem để chọn lựa thì có 02 đến 03 người phụ nữ khác (không rõ họ tên và địa chỉ) cũng đến tiệm vàng để trao đổi mua, bán vàng và nói chuyện với bà T. Lợi dụng bà T tập trung trao đổi nói chuyện, tư vấn cho những người mua, bán vàng khác không chú ý đến bị cáo nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm sợi dây chuyền mà bà T đưa cho bị cáo xem. Lúc này, bị cáo đã lén lút lấy trộm sợi dây chuyền thứ ba mà bà T đưa cho bị cáo xem, là sợi dây chuyền có đặc điểm hình chữ cong, loại 18K, bị cáo để vào trong túi quần bên trái đang mặc. Sau khi cất giấu sợi dây chuyền vào trong túi quần xong, bị cáo nói với bà T là bị cáo chọn sợi dây chuyền thứ tư mà bà T đưa cho bị cáo xem là vàng

18K, có khối lượng là 4,3 chỉ (hay còn gọi là 04 chỉ 03 phân vàng). Do sợi dây chuyền của bị cáo có khối lượng nặng hơn, nên sau khi tính tiền xong thì bà T cho bị cáo biết số tiền thừa lại mà tiệm vàng phải trả cho bị cáo là 1.710.000 đồng. Trao đổi sợi dây chuyền và nhận tiền thừa xong, bị cáo vừa đi ra đến xe mô tô, bà T phát hiện tiệm vàng đã bị mất một sợi dây chuyền vàng. Nghi ngờ bị cáo đã lấy trộm, bà T chạy ra trước cửa tiệm vàng và nói với bị cáo là đã mất một sợi dây chuyền vàng đồng thời yêu cầu bị cáo vào tiệm vàng để kiểm tra. Sợ bị kiểm tra và phát hiện, bị cáo có hành vi cự cãi với bà T và nói là bị cáo không có trộm. Nói xong bị cáo lên xe mô tô của bị cáo điều khiển để tẩu thoát. Khi về đến nhà bị cáo tại ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh, bị cáo lấy sợi dây chuyền vừa trộm được cất giấu trong tủ quần, áo của gia đình bị cáo. Riêng bà T đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Qua xác minh làm rõ bị cáo Trần Thị D là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên.

Căn cứ vào Bản kết luận giám định số: 1106/KL-KTHS ngày 03/02/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 16,1403 gam, gửi giám định có thành phần kim loại vàng (Au): 68,24%, Bạc (Ag): 13,59%, Đồng (Cu): 17,67%.

Căn cứ vào Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 07/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trà Cú kết luận: Tại thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (ngày 15/12/2022) 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng, hình chữ cong, khối lượng 16,1403 gam, có thành phần kim loại Vàng (Au): 68,24% trị giá là 15.695.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

Ngày 18/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú đã ra Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu từ bị can gồm: 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, hình chữ cong. Được niêm phong trong túi niêm phong kí hiệu: NS2. Túi niêm phong được dán kín miệng túi, có đóng dấu tròn mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú. Đồng thời, các bên liên quan kí tên xác nhận vào túi niêm phong gồm: Chữ ký của ông Huỳnh Minh T, chữ ký của ông Nguyễn Thanh S, chữ ký của bà Tống Thanh T, chữ ký của bà Trần Thị D; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, màu sơn xanh, đen, bạc, biển số: 84G1 - 730.36, đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị D khai khoảng 12 giờ 20 phút ngày 15/12/2022, tại tiệm vàng TC thuộc khóm X, thị trấn Trc, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng, hình chữ cong của bị hại Tống Thanh T với giá trị tài sản là 15.695.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) đúng như cáo trạng đã mô tả và truy tố. Lời khai thừa nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố cũng như lời khai tại phiên tòa là do bị cáo tự khai ra mà không bị ai ép buộc, bị cáo giữ nguyên lời khai mà không có thay đổi gì.

Bị hại bà Tống Thanh T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông Trầm Bá V vắng mặt tại phiên tòa, bà T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, đồng thời có đơn yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông Trần Văn D yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, màu sơn xanh, đen, bạc, biển số: 84G1 - 730.36 do là tài sản chung của vợ chồng và là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị với Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng. Giao bị cáo Trần Thị D cho Ủy ban nhân dân xã Lưu Nghiêp Anh, huyện Trà Cú giám sát, giáo dục.

Về dân sự, bị hại đã nhận lại đầy đủ và không có yêu cầu nên không xem xét. Về vật chứng là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, màu sơn xanh, đen, bạc, biển số: 84G1 - 730.36, đã qua sử dụng, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị trả lại cho bị cáo do là tài sản chung của vợ chồng và là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình bị cáo. Về án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không tự bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị D khai nhận bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm một sợi dây chuyền tại tiệm vàng Tư Có thuộc Khóm X, thị trấn Trc, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh. Qua khám nghiệm hiện trường, trích xuất camera xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với diễn biến sự việc, phù hợp với vị trí bị cáo cất giấu sợi dây chuyền sau khi trộm cắp được; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đặc điểm sợi dây chuyền bị cáo giao nộp lại và phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày lời khai thừa nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố cũng như lời khai tại phiên tòa là do bị cáo tự khai ra mà không bị ai ép buộc, bị cáo giữ nguyên lời khai mà không có thay đổi gì. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 12 giờ 40 phút ngày 15/12/2022, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Trần Thị D đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng, hình chữ cong, khối lượng 16,1403 gam, có thành phần kim loại Vàng (Au): 68,24% của bị hại Tổng Thanh T với giá trị tài sản là

15.695.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) nên hành vi của bị cáo Trần Thị D đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản”. Tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo Trần Thị D đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật dân sự bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh bị cáo phạm tội là do hoàn cảnh kinh tế bị cáo quá khó khăn, túng thiếu; một phần do sự sơ hở, thiếu cảnh giác của bà T. Mục đích phạm tội của bị cáo là nhằm chiếm đoạt tiền bị hại để chi xài.

[3] Tội phạm bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, vụ án chỉ một mình bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại mà không có đồng phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý công minh, đúng theo pháp luật. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo điều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có cha ruột và 02 người anh là liệt sỹ, bị cáo có mẹ ruột là Bà mẹ Việt Nam anh hùng đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm i, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người có nhân thân tốt, xét đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Để cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có cơ hội khắc phục, sửa chữa sai lầm của mình.

[4] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[5] Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, màu sơn xanh, đen, bạc, biển số: 84G1 - 730.36, đã qua sử dụng xét thấy đây là tài sản chung của vợ chồng và là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình nên trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[7] Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Thị D cho Ủy ban nhân dân xã LNA, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nên không xem xét.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, màu sơn: xanh - đen - bạc, số máy: JA39E2622173, số khung: RLHJA3928NY125263, biển số: 84G1 - 730.36, đã qua sử dụng.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Công an huyện Trà Cú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Duyên

